DANH SÁCH LỚP HỌC TRỰC TIẾP TỪ NGÀY 14/3/2022

STT	MÃ MH	MÃ LỚP	TÊN MÔN HỌC	MÃ GIẢNG VIÊN	TÊN GIẢNG VIÊN	SĨ SỐ	TỔ TC	THỰC HÀNH	HTGD	THỨ	TIẾT	CÁCH TUẦN	PHÒNG HỌC	KHOÁ HỌC	HỌC KỲ	NĂM HỌC	HỆ ĐT	KHOA QL	Ngày bắt đầu học trực tiếp
1	CE119	CE119.M21.1	Thực hành Kiến trúc máy tính	11019	Trần Quốc Sơn	25	1	1	HT1	5	12345	2	C209	16	2	2021	CQUI	KTMT	17-3-2022
2	CE119	CE119.M21.2	Thực hành Kiến trúc máy tính	11019	Trần Quốc Sơn	25	1	1	HT1	5	12345	2	C209	16	2	2021	CQUI	KTMT	17-3-2022
3	CE119	CE119.M21.3	Thực hành Kiến trúc máy tính	11018	Võ Thị Tường Vy	25	1	1	HT1	5	67890	2	C209	16	2	2021	CQUI	KTMT	17-3-2022
4	CE119	CE119.M21.5	Thực hành Kiến trúc máy tính	11019	Trần Quốc Sơn	25	1	1	HT1	3	67890	2	C209	16	2	2021	CQUI	KTMT	15-3-2022
5	CE119	CE119.M21.MTCL.1	Thực hành Kiến trúc máy tính	11018	Võ Thị Tường Vy	40	1	1	HT1	4	12345	2	B2.18	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
6	CE119	CE119.M22.MTCL.1	Thực hành Kiến trúc máy tính	11021	Nguyễn Văn Tín	40	1	1	HT1	5	67890	2	A213	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
7	CE119	CE119.M23.MTCL.1	Thực hành Kiến trúc máy tính	80499	Thân Thế Tùng	40	1	1	HT1	6	67890	2	B2.18	16	2	2021	CLC	KTMT	18-3-2022
8	CNBU002	CNBU002.M21.ATBC	Bảo mật	80458	Nguyễn Ngọc Tự	30	3	0	LT	3	123	1	E33	16	2	2021	BCU	MMT&TT	15-3-2022
9	CNBU002	CNBU002.M21.ATBC.1	Bảo mật	80458	Nguyễn Ngọc Tự	30	1	1	HT1	3	67890	2	B4.08	16	2	2021	BCU	MMT&TT	15-3-2022
10	CS005	CS005.M21.KHCL	Giới thiệu ngành Khoa học Máy tính			40	1	0	LT	5	678	2	E23	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
11	CSBU004	CSBU004.M21.KHBC	Toán cho Tin học			30	3	0	LT	5	678	1	E33	16	2	2021	BCU	KHMT	17-3-2022
12	CSBU004	CSBU004.M21.KHBC.1	Toán cho Tin học			30	1	1	HT1	6	12345	2	B4.06	16	2	2021	BCU	KHMT	18-3-2022
13	CSBU006	CSBU006.M21.KHBC	Quản lý dự án máy tính thành công			30	4	0	LT	5	2345	1	E33	16	2	2021	BCU	KHMT	17-3-2022
14	CSBU008	CSBU008.M21.KHBC	Kiến trúc máy tính			30	3	0	LT	6	678	1	E33	16	2	2021	BCU	KHMT	18-3-2022
15	CSBU008	CSBU008.M21.KHBC.1	Kiến trúc máy tính			30	1	1	HT1	6	12345	2	B4.06	16	2	2021	BCU	KHMT	18-3-2022
16	EC001	EC001.M21	Kinh tế học đại cương	80467	Phạm Ngọc Anh Thơ	80	4	0	LT	5	6789	1	B1.18	16	2	2021	CQUI	HTTT	17-3-2022
17	EC001	EC001.M21.TMCL	Kinh tế học đại cương	10503	Lê Nhân Mỹ	45	4	0	LT	3	67890	1	E42	16	2	2021	CLC	HTTT	15-3-2022
18	EC001	EC001.M22.TMCL	Kinh tế học đại cương	10503	Lê Nhân Mỹ	40	4	0	LT	5	12345	1	E10.1	16	2	2021	CLC	HTTT	17-3-2022
19	ENG01	ENG01.M23.CLC	Anh văn 1			30	4	0	LT	2	123	1	A305	16	2	2021	CLC	TTNN	14-3-2022
20	ENG01	ENG01.M23.CLC	Anh văn 1			30	4	0	LT	6	45	1	A305	16	2	2021	CLC	TTNN	18-3-2022
21	ENG02	ENG02.M22.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	2	45	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	14-3-2022
22	ENG02	ENG02.M22.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	6	678	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	18-3-2022
23	ENG02	ENG02.M23	Anh văn 2			30	4	0	LT	5	45	1	A301	16	2	2021	CQUI	TTNN	17-3-2022
24	ENG02	ENG02.M23	Anh văn 2			30	4	0	LT	3	123	1	A301	16	2	2021	CQUI	TTNN	15-3-2022
25	ENG02	ENG02.M23.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	3	123	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	15-3-2022
26	ENG02	ENG02.M23.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	5	45	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	17-3-2022
27	ENG02	ENG02.M24	Anh văn 2			30	4	0	LT	4	45	1	A309	16	2	2021	CQUI	TTNN	16-3-2022
28	ENG02	ENG02.M24	Anh văn 2			30	4	0	LT	7	123	1	A309	16	2	2021	CQUI	TTNN	19-3-2022
29	ENG02	ENG02.M24.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	6	45	1	A309	16	2	2021	CLC	TTNN	18-3-2022
30	ENG02	ENG02.M24.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	2	123	1	A309	16	2	2021	CLC	TTNN	14-3-2022
31	ENG02	ENG02.M25	Anh văn 2			30	4	0	LT	2	45	1	A309	16	2	2021	CQUI	TTNN	14-3-2022
32	ENG02	ENG02.M25	Anh văn 2			30	4	0	LT	6	123	1	A309	16	2	2021	CQUI	TTNN	18-3-2022
33	ENG02	ENG02.M25.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	4	45	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	16-3-2022
34	ENG02	ENG02.M25.CLC	Anh văn 2			30	4	0	LT	7	123	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	19-3-2022
35	ENG02	ENG02.M26	Anh văn 2			30	4	0	LT	3	678	1	A301	16	2	2021	CQUI	TTNN	15-3-2022
36	ENG02	ENG02.M26	Anh văn 2			30	4	0	LT	5	90	1	A301	16	2	2021	CQUI	TTNN	17-3-2022
37	ENG03	ENG03.M24	Anh văn 3			30	4	0	LT	3	123	1	A309	16	2	2021	CQUI	TTNN	15-3-2022
38	ENG03	ENG03.M24	Anh văn 3			30	4	0	LT	5	45	1	A309	16	2	2021	CQUI	TTNN	17-3-2022
39	ENG03	ENG03.M24.CLC	Anh văn 3			30	4	0	LT	2	678	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	14-3-2022
40	ENG03	ENG03.M24.CLC	Anh văn 3			30	4	0	LT	6	45	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	18-3-2022
41	ENG03	ENG03.M26	Anh văn 3			30	4	0	LT	7	123	1	A305	16	2	2021	CQUI	TTNN	19-3-2022
42	ENG03	ENG03.M26	Anh văn 3			30	4	0	LT	4	45	1	A305	16	2	2021	CQUI	TTNN	16-3-2022
43	ENG03	ENG03.M26.CLC	Anh văn 3			30	4	0	LT	2	45	1	A311	16	2	2021	CLC	TTNN	14-3-2022
44	ENG03	ENG03.M26.CLC	Anh văn 3			30	4	0	LT	6	123	1	A311	16	2	2021	CLC	TTNN	18-3-2022
45	ENG03	ENG03.M28.CLC	Anh văn 3			30	4	0	LT	4	678	1	A301	16	2	2021	CLC	TTNN	16-3-2022
46	ENG03	ENG03.M28.CLC	Anh văn 3			30	4	0	LT	7	45	1	A301	16	2	2021	CLC	TTNN	19-3-2022
47	ENG04	ENG04.M21.CTTT	Anh văn 4			40	4	0	LT	2	123	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	14-3-2022
48	ENG04	ENG04.M21.CTTT	Anh văn 4			40	4	0	LT	4	6789	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	16-3-2022
49	ENG04	ENG04.M21.CTTT	Anh văn 4			40	4	0	LT	6	123	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	18-3-2022
50	ENG04	ENG04.M22.CTTT	Anh văn 4			40	4	0	LT	6	678	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	18-3-2022
51	ENG04	ENG04.M22.CTTT	Anh văn 4			40	4	0	LT	2	678	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	14-3-2022
52	ENG04	ENG04.M22.CTTT	Anh văn 4			40	4	0	LT	4	1234	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	16-3-2022
53	ENG05	ENG05.M21.CTTT	Anh văn 5			40	4	0	LT	6	123	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	18-3-2022
54	ENG05	ENG05.M21.CTTT	Anh văn 5			40	4	0	LT	2	123	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	14-3-2022
55	ENG05	ENG05.M21.CTTT	Anh văn 5			40	4	0	LT	4	6789	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	16-3-2022
56	ENG05	ENG05.M22.CTTT	Anh văn 5			40	4	0	LT	6	678	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	18-3-2022
57	ENG05	ENG05.M22.CTTT	Anh văn 5			40	4	0	LT	2	678	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	14-3-2022
58	ENG05	ENG05.M22.CTTT	Anh văn 5			40	4	0	LT	4	1234	1	E23	16	2	2021	CTTT	TTNN	16-3-2022
59	ENG05	ENG05.M23.CLC	Anh văn 5			30	4	0	LT	2	123	1	A301	16	2	2021	CLC	TTNN	14-3-2022
60	ENG05	ENG05.M23.CLC	Anh văn 5			30	4	0	LT	6	90	1	A307	16	2	2021	CLC	TTNN	18-3-2022
61	ENGL1213	ENGL1213.M21.CTTT	Tiếng Anh II			40	3	0	LT	6	678	1	E24	16	2	2021	CTTT	HTTT	18-3-2022
62	ENGL1213	ENGL1213.M21.CTTT	Tiếng Anh II			40	3	0	LT	4	123	1	E32	16	2	2021	CTTT	HTTT	16-3-2022
63	ENGL1213	ENGL1213.M21.CTTT	Tiếng Anh II			40	3	0	LT	2	678	1	E42	16	2	2021	CTTT	HTTT	14-3-2022
64	ENGL1213	ENGL1213.M22.CTTT	Tiếng Anh II			40	3	0	LT	2	123	1	E34	16	2	2021	CTTT	HTTT	14-3-2022
65	ENGL1213	ENGL1213.M22.CTTT	Tiếng Anh II			40	3	0	LT	4	678	1	E34	16	2	2021	CTTT	HTTT	16-3-2022
66	ENGL1213	ENGL1213.M22.CTTT	Tiếng Anh II			40	3	0	LT	6	123	1	E44	16	2	2021	CTTT	HTTT	18-3-2022
67	IT002	IT002.M21	Lập trình hướng đối tượng	80478	Nguyễn Trịnh Đông	100	3	0	LT	2	123	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	14-3-2022
68	IT002	IT002.M21.1	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	50	1	1	HT1	2	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	14-3-2022
69	IT002	IT002.M21.2	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	50	1	1	HT1	2	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	14-3-2022
70	IT002	IT002.M21.ANTN	Lập trình hướng đối tượng	80478	Nguyễn Trịnh Đông	30	3	0	LT	3	123	1	C104	16	2	2021	CNTN	CNPM	15-3-2022
71	IT002	IT002.M21.ANTN.1	Lập trình hướng đối tượng	80336	Lương Vân Song	30	1	1	HT1	6	67890	2	B4.06	16	2	2021	CNTN	CNPM	18-3-2022
72	IT002	IT002.M21.ATCL	Lập trình hướng đối tượng	80357	Phan Thế Duy	45	3	0	LT	5	678	1	C307	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
73	IT002	IT002.M21.ATCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80461	Tô Quốc Huy	23	1	1	HT1	5	12345	2	B4.08	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
74	IT002	IT002.M21.ATCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80461	Tô Quốc Huy	22	1	1	HT1	5	12345	2	B4.08	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
75	IT002	IT002.M21.CNCL	Lập trình hướng đối tượng	80056	Nguyễn Công Hoan	45	3	0	LT	4	123	1	C218	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
76	IT002	IT002.M21.CNCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80490	Lưu Đức Tuấn	23	1	1	HT1	4	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022

77	IT002	IT002.M21.CNCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80490	Lưu Đức Tuấn	22	1	1	HT1	4	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
78	IT002	IT002.M21.HTCL	Lập trình hướng đối tượng	80054	Phan Trung Hiếu	45	3	0	LT	5	123	1	C301	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
79	IT002	IT002.M21.HTCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	23	1	1	HT1	5	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
80	IT002	IT002.M21.HTCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	22	1	1	HT1	5	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
81	IT002	IT002.M21.KHCL	Lập trình hướng đối tượng	80054	Phan Trung Hiếu	48	3	0	LT	7	678	1	C208	16	2	2021	CLC	CNPM	19-3-2022
82	IT002	IT002.M21.KHCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	24	1	1	HT1	7	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	19-3-2022
83	IT002	IT002.M21.KHCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	24	1	1	HT1	7	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	19-3-2022
84	IT002	IT002.M21.KHTN	Lập trình hướng đối tượng	80031	Trần Anh Dũng	30	3	0	LT	6	123	1	C104	16	2	2021	CNTN	CNPM	18-3-2022
85	IT002	IT002.M21.KHTN.1	Lập trình hướng đối tượng	80461	Tô Quốc Huy	30	1	1	HT1	6	67890	2	B4.06	16	2	2021	CNTN	CNPM	18-3-2022
86	IT002	IT002.M21.MMCL	Lập trình hướng đối tượng	80031	Trần Anh Dũng	40	3	0	LT	4	123	1	C301	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
87	IT002	IT002.M21.MMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80503	Vũ Tuấn Hải	20	1	1	HT1	4	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
88	IT002	IT002.M21.MMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80503	Vũ Tuấn Hải	20	1	1	HT1	4	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
89	IT002	IT002.M21.MTCL	Lập trình hướng đối tượng	80028	Đinh Nguyễn Anh Dũng	40	3	0	LT	7	123	1	C214	16	2	2021	CLC	CNPM	19-3-2022
90	IT002	IT002.M21.MTCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	20	1	1	HT1	7	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	19-3-2022
91	IT002	IT002.M21.MTCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	20	1	1	HT1	7	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	19-3-2022
92	IT002	IT002.M21.PMCL	Lập trình hướng đối tượng	80498	Nguyễn Hồng Thúy	45	3	0	LT	4	678	1	C307	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
93	IT002	IT002.M21.PMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80464	Quan Chí Khánh An	23	1	1	HT1	4	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
94	IT002	IT002.M21.PMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80464	Quan Chí Khánh An	22	1	1	HT1	4	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
95	IT002	IT002.M21.TMCL	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	40	3	0	LT	6	678	1	C308	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
96	IT002	IT002.M21.TMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	20	1	1	HT1	6	12345	2	B2.22	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
97	IT002	IT002.M21.TMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	20	1	1	HT1	6	12345	2	B2.22	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
98	IT002	IT002.M22	Lập trình hướng đối tượng	80173	Bùi Văn Thành	100	3	0	LT	3	678	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	15-3-2022
99	IT002	IT002.M22.1	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	50	1	1	HT1	3	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	15-3-2022
100	IT002	IT002.M22.2	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	50	1	1	HT1	3	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	15-3-2022
101	IT002	IT002.M22.ATCL	Lập trình hướng đối tượng	80357	Phan Thế Duy	45	3	0	LT	2	123	1	C305	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
102	IT002	IT002.M22.ATCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80438	Lưu Thanh Sơn	23	1	1	HT1	2	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
103	IT002	IT002.M22.ATCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80438	Lưu Thanh Sơn	22	1	1	HT1	2	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
104	IT002	IT002.M22.CNCL	Lập trình hướng đối tượng	80498	Nguyễn Hồng Thúy	45	3	0	LT	6	678	1	C305	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
105	IT002	IT002.M22.CNCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80464	Quan Chí Khánh An	23	1	1	HT1	6	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
106	IT002	IT002.M22.CNCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80464	Quan Chí Khánh An	22	1	1	HT1	6	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
107	IT002	IT002.M22.HTCL	Lập trình hướng đối tượng	80028	Đinh Nguyễn Anh Dũng	45	3	0	LT	2	123	1	C301	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
108	IT002	IT002.M22.HTCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80503	Vũ Tuấn Hải	23	1	1	HT1	2	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
109	IT002	IT002.M22.HTCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80503	Vũ Tuấn Hải	22	1	1	HT1	2	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
110	IT002	IT002.M22.KHCL	Lập trình hướng đối tượng	80274	Mai Trọng Khang	48	3	0	LT	2	678	1	C210	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
111	IT002	IT002.M22.KHCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80336	Lương Văn Song	24	1	1	HT1	2	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
112	IT002	IT002.M22.KHCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80336	Lương Văn Song	24	1	1	HT1	2	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
113	IT002	IT002.M22.MMCL	Lập trình hướng đối tượng	80498	Nguyễn Hồng Thúy	40	3	0	LT	5	678	1	C306	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
114	IT002	IT002.M22.MMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	20	1	1	HT1	5	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
115	IT002	IT002.M22.MMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	20	1	1	HT1	5	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
116	IT002	IT002.M22.MTCL	Lập trình hướng đối tượng	80498	Nguyễn Hồng Thúy	40	3	0	LT	2	678	1	C305	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
117	IT002	IT002.M22.MTCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	20	1	1	HT1	2	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
118	IT002	IT002.M22.MTCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	20	1	1	HT1	2	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	14-3-2022
119	IT002	IT002.M22.PMCL	Lập trình hướng đối tượng	80361	Thái Thụy Hàn Uyển	45	3	0	LT	5	123	1	C305	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
120	IT002	IT002.M22.PMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	23	1	1	HT1	5	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
121	IT002	IT002.M22.PMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	22	1	1	HT1	5	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	17-3-2022
122	IT002	IT002.M22.TMCL	Lập trình hướng đối tượng	80197	Đỗ Văn Tiến	40	3	0	LT	4	678	1	C218	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
123	IT002	IT002.M22.TMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	20	1	1	HT1	4	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
124	IT002	IT002.M22.TMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	20	1	1	HT1	4	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	16-3-2022
125	IT002	IT002.M23	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	100	3	0	LT	4	123	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	16-3-2022
126	IT002	IT002.M23.1	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	50	1	1	HT1	4	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	16-3-2022
127	IT002	IT002.M23.2	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	50	1	1	HT1	4	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	16-3-2022
128	IT002	IT002.M23.CNCL	Lập trình hướng đối tượng	80361	Thái Thụy Hàn Uyển	45	3	0	LT	3	123	1	C218	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
129	IT002	IT002.M23.CNCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80503	Vũ Tuấn Hải	23	1	1	HT1	3	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
130	IT002	IT002.M23.CNCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80503	Vũ Tuấn Hải	22	1	1	HT1	3	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
131	IT002	IT002.M23.KHCL	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	48	3	0	LT	3	123	1	C306	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
132	IT002	IT002.M23.KHCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	24	1	1	HT1	3	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
133	IT002	IT002.M23.KHCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	24	1	1	HT1	3	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
134	IT002	IT002.M23.MMCL	Lập trình hướng đối tượng	80361	Thái Thụy Hàn Uyển	40	3	0	LT	6	123	1	C208	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
135	IT002	IT002.M23.MMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80464	Quan Chí Khánh An	20	1	1	HT1	6	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
136	IT002	IT002.M23.MMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80464	Quan Chí Khánh An	20	1	1	HT1	6	67890	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
137	IT002	IT002.M23.MTCL	Lập trình hướng đối tượng	80320	Nguyễn Tấn Toàn	40	3	0	LT	3	678	1	C307	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
138	IT002	IT002.M23.MTCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80490	Lưu Đức Tuấn	20	1	1	HT1	3	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
139	IT002	IT002.M23.MTCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80490	Lưu Đức Tuấn	20	1	1	HT1	3	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	CNPM	15-3-2022
140	IT002	IT002.M23.PMCL	Lập trình hướng đối tượng	80006	Huỳnh Tuấn Anh	45	3	0	LT	6	678	1	C301	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
141	IT002	IT002.M23.PMCL.1	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	23	1	1	HT1	6	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
142	IT002	IT002.M23.PMCL.2	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	22	1	1	HT1	6	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
143	IT002	IT002.M24	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	100	3	0	LT	5	678	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	17-3-2022
144	IT002	IT002.M24.1	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	50	1	1	HT1	5	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	17-3-2022
145	IT002	IT002.M24.2	Lập trình hướng đối tượng	80477	Trần Thị Hồng Yến	50	1	1	HT1	5	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	17-3-2022
146	IT002	IT002.M25	Lập trình hướng đối tượng	80320	Nguyễn Tấn Toàn	100	3	0	LT	6	123	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	18-3-2022
147	IT002	IT002.M25.1	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	50	1	1	HT1	6	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	18-3-2022
148	IT002	IT002.M25.2	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	50	1	1	HT1	6	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	18-3-2022
149	IT002	IT002.M26	Lập trình hướng đối tượng	80056	Nguyễn Công Hoan	100	3	0	LT	7	678	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	19-3-2022
150	IT002	IT002.M26.1	Lập trình hướng đối tượng	80490	Lưu Đức Tuấn	50	1	1	HT1	7	12345	2	C111	16	2	2021	CQUI	CNPM	19-3-2022
151	IT002	IT002.M26.2	Lập trình hướng đối tượng	80490	Lưu Đức Tuấn	50	1	1	HT1	7	12345	2	C111	16	2	2021	CQUI	CNPM	19-3-2022
152	IT002	IT002.M27	Lập trình hướng đối tượng	80360	Huỳnh Hồ Thị Mộng Trinh	100	3	0	LT	2	678	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	14-3-2022
153	IT002	IT002.M27.1	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	50	1	1	HT1	2	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	14-3-2022
154	IT002	IT002.M27.2	Lập trình hướng đối tượng	80265	Phạm Thế Sơn	50	1	1	HT1	2	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	14-3-2022
155	IT002	IT002.M28	Lập trình hướng đối tượng	80173	Bùi Văn Thành	100	3	0	LT	3	123	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	15-3-2022
156	IT002	IT002.M28.1	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	50	1	1	HT1	3	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	15-3-2022
157	IT002	IT002.M28.2	Lập trình hướng đối tượng	80465	Trần Khánh Nguyên	50	1	1	HT1	3	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	15-3-2022
158	IT002	IT002.M29	Lập trình hướng đối tượng	80031	Trần Anh Dũng	100	3	0	LT	4	678	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	CNPM	16-3-2022

159	IT002	IT002.M29.1	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	50	1	1	HT1	4	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	16-3-2022
160	IT002	IT002.M29.2	Lập trình hướng đối tượng	80502	Đặng Việt Dũng	50	1	1	HT1	4	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	CNPM	16-3-2022
161	IT003	IT003.M21	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	2	123	1	C113	16	2	2021	CQUI	KHMT	14-3-2022
162	IT003	IT003.M21.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	2	67890	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	14-3-2022
163	IT003	IT003.M21.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	2	67890	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	14-3-2022
164	IT003	IT003.M21.ANTN	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			30	3	0	LT	3	678	1	C104	16	2	2021	CNTN	KHMT	15-3-2022
165	IT003	IT003.M21.ANTN.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			30	1	1	HT1	5	12345	2	B4.06	16	2	2021	CNTN	KHMT	17-3-2022
166	IT003	IT003.M21.ATCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	2	123	1	C107	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
167	IT003	IT003.M21.ATCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	2	67890	2	B4.06	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
168	IT003	IT003.M21.ATCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	2	67890	2	B4.06	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
169	IT003	IT003.M21.CNCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	6	678	1	C208	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
170	IT003	IT003.M21.CNCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	6	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
171	IT003	IT003.M21.CNCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	6	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
172	IT003	IT003.M21.HTCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	6	678	1	C106	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
173	IT003	IT003.M21.HTCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	6	12345	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
174	IT003	IT003.M21.HTCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	6	12345	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
175	IT003	IT003.M21.KHCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			48	3	0	LT	2	123	1	C306	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
176	IT003	IT003.M21.KHCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			24	1	1	HT1	2	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
177	IT003	IT003.M21.KHCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			24	1	1	HT1	2	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
178	IT003	IT003.M21.KHTN	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			30	3	0	LT	5	678	1	C104	16	2	2021	CNTN	KHMT	17-3-2022
179	IT003	IT003.M21.KHTN.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			30	1	1	HT1	5	12345	2	B4.06	16	2	2021	CNTN	KHMT	17-3-2022
180	IT003	IT003.M21.MMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	5	678	1	E32	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
181	IT003	IT003.M21.MMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	5	12345	2	B4.04	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
182	IT003	IT003.M21.MMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	5	12345	2	B4.04	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
183	IT003	IT003.M21.MTCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	2	678	1	C306	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
184	IT003	IT003.M21.MTCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	2	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
185	IT003	IT003.M21.MTCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	2	12345	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	14-3-2022
186	IT003	IT003.M21.PMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	5	123	1	C306	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
187	IT003	IT003.M21.PMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	5	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
188	IT003	IT003.M21.PMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	5	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
189	IT003	IT003.M21.TMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	5	123	1	E32	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
190	IT003	IT003.M21.TMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	5	67890	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
191	IT003	IT003.M21.TMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	5	67890	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
192	IT003	IT003.M22	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	3	678	1	C113	16	2	2021	CQUI	KHMT	15-3-2022
193	IT003	IT003.M22.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	3	12345	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	15-3-2022
194	IT003	IT003.M22.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	3	12345	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	15-3-2022
195	IT003	IT003.M22.ATCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	3	678	1	C201	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
196	IT003	IT003.M22.ATCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	3	12345	2	B4.08	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
197	IT003	IT003.M22.ATCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	3	12345	2	B4.08	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
198	IT003	IT003.M22.CNCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	4	123	1	C308	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
199	IT003	IT003.M22.CNCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	4	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
200	IT003	IT003.M22.CNCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	4	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
201	IT003	IT003.M22.HTCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	5	678	1	C308	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
202	IT003	IT003.M22.HTCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	5	12345	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
203	IT003	IT003.M22.HTCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	5	12345	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	17-3-2022
204	IT003	IT003.M22.KHCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			48	3	0	LT	3	123	1	C307	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
205	IT003	IT003.M22.KHCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			24	1	1	HT1	3	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
206	IT003	IT003.M22.KHCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			24	1	1	HT1	3	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
207	IT003	IT003.M22.MMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	6	123	1	E42	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
208	IT003	IT003.M22.MMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	6	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
209	IT003	IT003.M22.MMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	6	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
210	IT003	IT003.M22.MTCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	3	123	1	C308	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
211	IT003	IT003.M22.MTCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	3	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
212	IT003	IT003.M22.MTCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	3	67890	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
213	IT003	IT003.M22.PMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	4	678	1	C308	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
214	IT003	IT003.M22.PMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	4	12345	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
215	IT003	IT003.M22.PMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	4	12345	2	B3.08	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
216	IT003	IT003.M22.TMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	3	678	1	E34	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
217	IT003	IT003.M22.TMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	3	12345	2	B4.04	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
218	IT003	IT003.M22.TMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	3	12345	2	B4.04	16	2	2021	CLC	KHMT	15-3-2022
219	IT003	IT003.M23	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	4	123	1	C113	16	2	2021	CQUI	KHMT	16-3-2022
220	IT003	IT003.M23.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	4	67890	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	16-3-2022
221	IT003	IT003.M23.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	4	67890	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	16-3-2022
222	IT003	IT003.M23.CNCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	6	123	1	C306	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
223	IT003	IT003.M23.CNCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	6	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
224	IT003	IT003.M23.CNCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	6	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	18-3-2022
225	IT003	IT003.M23.KHCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			48	3	0	LT	4	678	1	C301	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
226	IT003	IT003.M23.KHCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			24	1	1	HT1	4	12345	2	C202	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
227	IT003	IT003.M23.KHCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			24	1	1	HT1	4	12345	2	C202	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
228	IT003	IT003.M23.MMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			40	3	0	LT	7	678	1	C206	16	2	2021	CLC	KHMT	19-3-2022
229	IT003	IT003.M23.MMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	7	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	KHMT	19-3-2022
230	IT003	IT003.M23.MMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			20	1	1	HT1	7	12345	2	B3.04	16	2	2021	CLC	KHMT	19-3-2022
231	IT003	IT003.M23.MTCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	4	123	1	E24	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
232	IT003	IT003.M23.MTCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	4	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
233	IT003	IT003.M23.MTCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	4	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KHMT	16-3-2022
234	IT003	IT003.M23.PMCL	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			45	3	0	LT	7	123	1	C216	16	2	2021	CLC	KHMT	19-3-2022
235	IT003	IT003.M23.PMCL.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			23	1	1	HT1	7	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	19-3-2022
236	IT003	IT003.M23.PMCL.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			22	1	1	HT1	7	67890	2	B3.06	16	2	2021	CLC	KHMT	19-3-2022
237	IT003	IT003.M24	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	5	678	1	C113	16	2	2021	CQUI	KHMT	17-3-2022
238	IT003	IT003.M24.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	5	12345	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	17-3-2022
239	IT003	IT003.M24.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	5	12345	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	17-3-2022
240	IT003	IT003.M25	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	6	123	1	C113	16	2	2021	CQUI	KHMT	18-3-2022

241	IT003	IT003.M25.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	6	67890	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	18-3-2022
242	IT003	IT003.M25.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	6	67890	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	18-3-2022
243	IT003	IT003.M26	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	7	678	1	C113	16	2	2021	CQUI	KHMT	19-3-2022
244	IT003	IT003.M26.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	7	12345	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	19-3-2022
245	IT003	IT003.M26.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	7	12345	2	B2.16	16	2	2021	CQUI	KHMT	19-3-2022
246	IT003	IT003.M27	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	5	123	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	KHMT	17-3-2022
247	IT003	IT003.M27.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	5	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	KHMT	17-3-2022
248	IT003	IT003.M27.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	5	67890	2	C211	16	2	2021	CQUI	KHMT	17-3-2022
249	IT003	IT003.M28	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	6	678	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	KHMT	18-3-2022
250	IT003	IT003.M28.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	6	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	KHMT	18-3-2022
251	IT003	IT003.M28.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	6	12345	2	C211	16	2	2021	CQUI	KHMT	18-3-2022
252	IT003	IT003.M29	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			100	3	0	LT	7	123	1	B1.14	16	2	2021	CQUI	KHMT	19-3-2022
253	IT003	IT003.M29.1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	7	67890	2	C111	16	2	2021	CQUI	KHMT	19-3-2022
254	IT003	IT003.M29.2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			50	1	1	HT1	7	67890	2	C111	16	2	2021	CQUI	KHMT	19-3-2022
255	IT006	IT006.M21	Kiến trúc máy tính	80350	Ngô Hiếu Trường	65	3	0	LT	6	123	1	B5.14	16	2	2021	CQUI	KTMT	18-3-2022
256	IT006	IT006.M21.MTCL	Kiến trúc máy tính	80108	Vũ Đức Lung	45	3	0	LT	4	678	1	C208	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
257	IT006	IT006.M22.MTCL	Kiến trúc máy tính	80038	Phan Đình Duy	45	3	0	LT	5	123	1	C307	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
258	IT006	IT006.M23	Kiến trúc máy tính	80038	Phan Đình Duy	65	3	0	LT	6	678	1	B1.20	16	2	2021	CQUI	KTMT	18-3-2022
259	IT006	IT006.M23.MTCL	Kiến trúc máy tính	80038	Phan Đình Duy	45	3	0	LT	6	123	1	C106	16	2	2021	CLC	KTMT	18-3-2022
260	IT006	IT006.M24	Kiến trúc máy tính	80350	Ngô Hiếu Trường	65	3	0	LT	7	123	1	B1.20	16	2	2021	CQUI	KTMT	19-3-2022
261	IT012	IT012.M21	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80123	Trần Quang Nguyên	80	3	0	LT	3	123	1	B3.14	16	2	2021	CQUI	KTMT	15-3-2022
262	IT012	IT012.M21.1	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80499	Thân Thế Tùng	40	1	1	HT1	3	67890	2	B2.18	16	2	2021	CQUI	KTMT	15-3-2022
263	IT012	IT012.M21.2	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80499	Thân Thế Tùng	40	1	1	HT1	3	67890	2	B2.18	16	2	2021	CQUI	KTMT	15-3-2022
264	IT012	IT012.M21.KHCL	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80349	Trương Văn Cương	48	3	0	LT	3	678	1	C214	16	2	2021	CLC	KTMT	15-3-2022
265	IT012	IT012.M21.KHCL.1	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80499	Thân Thế Tùng	24	1	1	HT1	3	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KTMT	15-3-2022
266	IT012	IT012.M21.KHCL.2	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80499	Thân Thế Tùng	24	1	1	HT1	3	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KTMT	15-3-2022
267	IT012	IT012.M21.KHTN	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80349	Trương Văn Cương	30	3	0	LT	2	123	1	C104	16	2	2021	CNTN	KTMT	14-3-2022
268	IT012	IT012.M21.KHTN.1	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80349	Trương Văn Cương	30	1	1	HT1	2	67890	2	B4.04	16	2	2021	CNTN	KTMT	14-3-2022
269	IT012	IT012.M22	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80384	Phạm Thanh Hùng	80	3	0	LT	7	678	1	B3.14	16	2	2021	CQUI	KTMT	19-3-2022
270	IT012	IT012.M22.1	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80499	Thân Thế Tùng	40	1	1	HT1	7	12345	2	B2.18	16	2	2021	CQUI	KTMT	19-3-2022
271	IT012	IT012.M22.KHCL	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80307	Trần Văn Quang	48	3	0	LT	4	678	1	C214	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
272	IT012	IT012.M22.KHCL.1	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80307	Trần Văn Quang	24	1	1	HT1	4	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
273	IT012	IT012.M22.KHCL.2	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80307	Trần Văn Quang	24	1	1	HT1	4	12345	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
274	IT012	IT012.M23.KHCL	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80307	Trần Văn Quang	48	3	0	LT	5	123	1	C214	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
275	IT012	IT012.M23.KHCL.1	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80307	Trần Văn Quang	24	1	1	HT1	5	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
276	IT012	IT012.M23.KHCL.2	Tổ chức và Cấu trúc Máy tính II	80307	Trần Văn Quang	24	1	1	HT1	5	67890	2	B3.02	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
277	JAN02	JAN02.M21.CNCL	Tiếng Nhật 2			30	2	0	LT	3	2345	1	E118	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	15-3-2022
278	JAN02	JAN02.M21.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	5	6789	1	E118	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	17-3-2022
279	JAN02	JAN02.M21.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	7	2345	1	E118	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	19-3-2022
280	JAN02	JAN02.M22.CNCL	Tiếng Nhật 2			30	2	0	LT	3	6789	1	E118	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	15-3-2022
281	JAN02	JAN02.M22.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	5	2345	1	E118	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	17-3-2022
282	JAN02	JAN02.M22.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	7	6789	1	E118	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	19-3-2022
283	JAN02	JAN02.M23.CNCL	Tiếng Nhật 2			30	2	0	LT	2	6789	1	E112	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	14-3-2022
284	JAN02	JAN02.M23.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	4	6789	1	E114	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	16-3-2022
285	JAN02	JAN02.M23.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	7	2345	1	E114	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	19-3-2022
286	JAN02	JAN02.M24.CNCL	Tiếng Nhật 2			30	2	0	LT	2	2345	1	E116	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	14-3-2022
287	JAN02	JAN02.M24.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	5	2345	1	E116	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	17-3-2022
288	JAN02	JAN02.M24.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	7	6789	1	E116	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	19-3-2022
289	JAN02	JAN02.M25.CNCL	Tiếng Nhật 2			30	2	0	LT	2	2345	1	E43	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	14-3-2022
290	JAN02	JAN02.M25.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	7	2345	1	E116	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	19-3-2022
291	JAN02	JAN02.M25.CNCL.1	Tiếng Nhật 2			30	3	1	HT1	5	6789	1	E43	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	17-3-2022
292	MA004	MA004.M21	Cấu trúc rời rạc	10713	Nguyễn Thị Hồng Nhung	80	4	0	LT	2	1234	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	14-3-2022
293	MA004	MA004.M21.ANTN	Cấu trúc rời rạc	80048	Dương Ngọc Hảo	30	4	0	LT	2	6789	1	A325	16	2	2021	CNTN	BMTL	14-3-2022
294	MA004	MA004.M21.ATCL	Cấu trúc rời rạc	80225	Lê Huỳnh Mỹ Vân	45	4	0	LT	4	1234	1	C216	16	2	2021	CLC	BMTL	16-3-2022
295	MA004	MA004.M21.HTCL	Cấu trúc rời rạc	80200	Cao Thanh Tình	46	4	0	LT	2	6789	1	C109	16	2	2021	CLC	BMTL	14-3-2022
296	MA004	MA004.M21.KHCL	Cấu trúc rời rạc	80200	Cao Thanh Tình	48	4	0	LT	4	1234	1	C214	16	2	2021	CLC	BMTL	16-3-2022
297	MA004	MA004.M21.KHTN	Cấu trúc rời rạc	10714	Nguyễn Thị Hiền	30	4	0	LT	7	1234	1	C201	16	2	2021	CNTN	BMTL	19-3-2022
298	MA004	MA004.M21.MMCL	Cấu trúc rời rạc	80214	Lê Hoàng Tuấn	45	4	0	LT	6	1234	1	C206	16	2	2021	CLC	BMTL	18-3-2022
299	MA004	MA004.M21.MTCL	Cấu trúc rời rạc	80225	Lê Huỳnh Mỹ Vân	45	4	0	LT	3	6789	1	C206	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
300	MA004	MA004.M21.PMCL	Cấu trúc rời rạc	80214	Lê Hoàng Tuấn	45	4	0	LT	7	1234	1	C206	16	2	2021	CLC	BMTL	19-3-2022
301	MA004	MA004.M210	Cấu trúc rời rạc	11014	Trần Đức Thành	80	4	0	LT	5	1234	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	17-3-2022
302	MA004	MA004.M22	Cấu trúc rời rạc	10868	Lê Vũ Trường	80	4	0	LT	3	6789	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	15-3-2022
303	MA004	MA004.M22.ATCL	Cấu trúc rời rạc	80214	Lê Hoàng Tuấn	45	4	0	LT	5	6789	1	C214	16	2	2021	CLC	BMTL	17-3-2022
304	MA004	MA004.M22.HTCL	Cấu trúc rời rạc	80200	Cao Thanh Tình	46	4	0	LT	3	6789	1	C216	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
305	MA004	MA004.M22.KHCL	Cấu trúc rời rạc	80225	Lê Huỳnh Mỹ Vân	48	4	0	LT	5	1234	1	C216	16	2	2021	CLC	BMTL	17-3-2022
306	MA004	MA004.M22.MMCL	Cấu trúc rời rạc	80214	Lê Hoàng Tuấn	45	4	0	LT	2	6789	1	C208	16	2	2021	CLC	BMTL	14-3-2022
307	MA004	MA004.M22.MTCL	Cấu trúc rời rạc	80200	Cao Thanh Tình	45	4	0	LT	4	6789	1	C216	16	2	2021	CLC	BMTL	16-3-2022
308	MA004	MA004.M22.PMCL	Cấu trúc rời rạc	10983	Mai Thành Long	45	4	0	LT	2	6789	1	C206	16	2	2021	CLC	BMTL	14-3-2022
309	MA004	MA004.M23	Cấu trúc rời rạc	10867	Nguyễn Hữu Hiếu	80	4	0	LT	4	1234	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	16-3-2022
310	MA004	MA004.M23.KHCL	Cấu trúc rời rạc	10983	Mai Thành Long	48	4	0	LT	6	6789	1	C206	16	2	2021	CLC	BMTL	18-3-2022
311	MA004	MA004.M23.MMCL	Cấu trúc rời rạc	80214	Lê Hoàng Tuấn	45	4	0	LT	3	6789	1	C218	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
312	MA004	MA004.M23.MTCL	Cấu trúc rời rạc	80225	Lê Huỳnh Mỹ Vân	45	4	0	LT	2	1234	1	C216	16	2	2021	CLC	BMTL	14-3-2022
313	MA004	MA004.M23.PMCL	Cấu trúc rời rạc	80200	Cao Thanh Tình	45	4	0	LT	3	1234	1	C214	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
314	MA004	MA004.M24	Cấu trúc rời rạc	11014	Trần Đức Thành	80	4	0	LT	5	6789	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	17-3-2022
315	MA004	MA004.M25	Cấu trúc rời rạc	10714	Nguyễn Thị Hiền	80	4	0	LT	6	1234	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	18-3-2022
316	MA004	MA004.M26	Cấu trúc rời rạc	80096	Hà Mạnh Linh	80	4	0	LT	7	6789	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	19-3-2022
317	MA004	MA004.M27	Cấu trúc rời rạc	10713	Nguyễn Thị Hồng Nhung	80	4	0	LT	2	6789	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	14-3-2022
318	MA004	MA004.M28	Cấu trúc rời rạc	10868	Lê Vũ Trường	80	4	0	LT	3	1234	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	15-3-2022
319	MA004	MA004.M29	Cấu trúc rời rạc	10867	Nguyễn Hữu Hiếu	80	4	0	LT	4	6789	1	B4.14	16	2	2021	CQUI	BMTL	16-3-2022
320	MA005	MA005.M21	Xác suất thống kê	80492	Nguyễn Minh Trí	80	3	0	LT	2	1234	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	14-3-2022
321	MA005	MA005.M21.CNCL	Xác suất thống kê	80096	Hà Mạnh Linh	45	3	0	LT	3	6789	1	C301	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
322	MA005	MA005.M21.HTCL	Xác suất thống kê	80096	Hà Mạnh Linh	45	3	0	LT	4	6789	1	C305	16	2	2021	CLC	BMTL	16-3-2022

323	MA005	MA005.M21.KHCL	Xác suất thống kê	80096	Hà Mạnh Linh	48	3	0	LT	5	6789	1	C218	16	2	2021	CLC	BMTL	17-3-2022
324	MA005	MA005.M21.KHTN	Xác suất thống kê	80375	Nguyễn Ngọc Ái Vân	30	3	0	LT	4	6789	1	C306	16	2	2021	CNTN	BMTL	16-3-2022
325	MA005	MA005.M21.MMCL	Xác suất thống kê	80096	Hà Mạnh Linh	45	3	0	LT	2	6789	1	C301	16	2	2021	CLC	BMTL	14-3-2022
326	MA005	MA005.M21.PMCL	Xác suất thống kê	80189	Đặng Lệ Thủy	45	3	0	LT	3	6789	1	C305	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
327	MA005	MA005.M210	Xác suất thống kê	10984	Võ Thị Bích Trâm	80	3	0	LT	4	6789	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	16-3-2022
328	MA005	MA005.M22	Xác suất thống kê	10984	Võ Thị Bích Trâm	80	3	0	LT	3	6789	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	15-3-2022
329	MA005	MA005.M22.CNCL	Xác suất thống kê	80189	Đặng Lệ Thủy	45	3	0	LT	3	1234	1	C301	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
330	MA005	MA005.M22.HTCL	Xác suất thống kê	80492	Nguyễn Minh Trí	45	3	0	LT	6	1234	1	C301	16	2	2021	CLC	BMTL	18-3-2022
331	MA005	MA005.M22.KHCL	Xác suất thống kê	10985	Võ Trần An	48	3	0	LT	7	1234	1	C208	16	2	2021	CLC	BMTL	19-3-2022
332	MA005	MA005.M22.MMCL	Xác suất thống kê	80492	Nguyễn Minh Trí	45	3	0	LT	3	1234	1	C305	16	2	2021	CLC	BMTL	15-3-2022
333	MA005	MA005.M22.PMCL	Xác suất thống kê	80096	Hà Mạnh Linh	45	3	0	LT	6	6789	1	C218	16	2	2021	CLC	BMTL	18-3-2022
334	MA005	MA005.M23	Xác suất thống kê	10984	Võ Thị Bích Trâm	80	3	0	LT	4	1234	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	16-3-2022
335	MA005	MA005.M23.CNCL	Xác suất thống kê	80492	Nguyễn Minh Trí	45	3	0	LT	4	1234	1	C305	16	2	2021	CLC	BMTL	16-3-2022
336	MA005	MA005.M23.KHCL	Xác suất thống kê	80048	Dương Ngọc Hảo	48	3	0	LT	2	1234	1	C208	16	2	2021	CLC	BMTL	14-3-2022
337	MA005	MA005.M23.MMCL	Xác suất thống kê	80375	Nguyễn Ngọc Ái Vân	45	3	0	LT	4	1234	1	C306	16	2	2021	CLC	BMTL	16-3-2022
338	MA005	MA005.M23.PMCL	Xác suất thống kê	80189	Đặng Lệ Thủy	45	3	0	LT	5	1234	1	C218	16	2	2021	CLC	BMTL	17-3-2022
339	MA005	MA005.M24	Xác suất thống kê	10985	Võ Trần An	80	3	0	LT	5	6789	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	17-3-2022
340	MA005	MA005.M25	Xác suất thống kê	10680	Lê Phước Hải	80	3	0	LT	3	6789	1	B6.06	16	2	2021	CQUI	BMTL	15-3-2022
341	MA005	MA005.M26	Xác suất thống kê	11013	Nguyễn Như Ngọc	80	3	0	LT	7	6789	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	19-3-2022
342	MA005	MA005.M28	Xác suất thống kê	10680	Lê Phước Hải	80	3	0	LT	6	6789	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	18-3-2022
343	MA005	MA005.M29	Xác suất thống kê	10985	Võ Trần An	80	3	0	LT	5	1234	1	B5.08	16	2	2021	CQUI	BMTL	17-3-2022
344	NT015	NT015.M21.ANTN	Giới thiệu ngành An toàn Thông tin	80290	Trần Thị Dung	40	1	0	LT	5	678	2	C212	16	2	2021	CNTN	MMT&TT	17-3-2022
345	NT015	NT015.M21.ATCL	Giới thiệu ngành An toàn Thông tin	80377	Trần Tuấn Dũng	50	1	0	LT	4	678	2	C212	16	2	2021	CLC	MMT&TT	16-3-2022
346	NT015	NT015.M22.ATCL	Giới thiệu ngành An toàn Thông tin	80377	Trần Tuấn Dũng	50	1	0	LT	4	678	2	C212	16	2	2021	CLC	MMT&TT	16-3-2022
347	PE012	PE012.M21	Giáo dục thể chất	10961	Nguyễn Văn Long	60	0	0	LT	2	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	14-3-2022
348	PE012	PE012.M211	Giáo dục thể chất	11035	Đỗ Phương Chon	60	0	0	LT	4	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	16-3-2022
349	PE012	PE012.M215	Giáo dục thể chất	10956	Phạm Minh Triết	60	0	0	LT	4	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	16-3-2022
350	PE012	PE012.M216	Giáo dục thể chất	10704	Nguyễn Thanh Tùng	60	0	0	LT	5	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	17-3-2022
351	PE012	PE012.M218	Giáo dục thể chất	10872	Nguyễn Minh Mẫn	60	0	0	LT	5	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	17-3-2022
352	PE012	PE012.M219	Giáo dục thể chất	11037	Phạm Cho	60	0	0	LT	5	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	17-3-2022
353	PE012	PE012.M221	Giáo dục thể chất	10872	Nguyễn Minh Mẫn	60	0	0	LT	6	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	18-3-2022
354	PE012	PE012.M222	Giáo dục thể chất	11037	Phạm Cho	60	0	0	LT	6	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	18-3-2022
355	PE012	PE012.M223	Giáo dục thể chất	10704	Nguyễn Thanh Tùng	60	0	0	LT	6	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	18-3-2022
356	PE012	PE012.M224	Giáo dục thể chất	10962	Cù Văn Hoàng	60	0	0	LT	6	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	18-3-2022
357	PE012	PE012.M226	Giáo dục thể chất	11034	Bùi Hoàng Phúc	60	0	0	LT	7	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	19-3-2022
358	PE012	PE012.M227	Giáo dục thể chất	10962	Cù Văn Hoàng	60	0	0	LT	7	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	19-3-2022
359	PE012	PE012.M230	Giáo dục thể chất	10962	Cù Văn Hoàng	60	0	0	LT	7	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	19-3-2022
360	PE012	PE012.M231	Giáo dục thể chất	10874	Trần Quang Vinh	60	0	0	LT	7	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	19-3-2022
361	PE012	PE012.M232	Giáo dục thể chất	11036	Phạm Anh Duy	60	0	0	LT	7	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	19-3-2022
362	PE012	PE012.M233	Giáo dục thể chất	11038	Phạm Thị Kim Liên	60	0	0	LT	7	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	19-3-2022
363	PE012	PE012.M24	Giáo dục thể chất	10961	Nguyễn Văn Long	60	0	0	LT	2	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	14-3-2022
364	PE012	PE012.M25	Giáo dục thể chất	11038	Phạm Thị Kim Liên	60	0	0	LT	2	67890	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	14-3-2022
365	PE012	PE012.M26	Giáo dục thể chất	10955	Dương Đại Tài	60	0	0	LT	3	12345	1	*	16	2	2021	CQUI	P.ĐTDH	15-3-2022
366	PH002	PH002.M21	Nhập môn mạch số	80123	Trần Quang Nguyên	70	3	0	LT	4	678	1	B5.14	16	2	2021	CQUI	KTMT	16-3-2022
367	PH002	PH002.M21.1	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	35	1	1	HT1	4	12345	2	B5.02	16	2	2021	CQUI	KTMT	16-3-2022
368	PH002	PH002.M21.2	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	35	1	1	HT1	4	12345	2	B5.02	16	2	2021	CQUI	KTMT	16-3-2022
369	PH002	PH002.M21.ANTN	Nhập môn mạch số	80466	Phạm Quốc Hùng	30	3	0	LT	4	123	1	C104	16	2	2021	CNTN	KTMT	16-3-2022
370	PH002	PH002.M21.ANTN.1	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	30	1	1	HT1	4	67890	2	B4.06	16	2	2021	CNTN	KTMT	16-3-2022
371	PH002	PH002.M21.ATCL	Nhập môn mạch số	80307	Trần Văn Quang	46	3	0	LT	6	123	1	C305	16	2	2021	CLC	KTMT	18-3-2022
372	PH002	PH002.M21.ATCL.1	Nhập môn mạch số	80307	Trần Văn Quang	23	1	1	HT1	6	67890	2	B4.08	16	2	2021	CLC	KTMT	18-3-2022
373	PH002	PH002.M21.ATCL.2	Nhập môn mạch số	80307	Trần Văn Quang	23	1	1	HT1	6	67890	2	B4.08	16	2	2021	CLC	KTMT	18-3-2022
374	PH002	PH002.M21.MMCL	Nhập môn mạch số	80337	Trịnh Lê Huy	45	3	0	LT	3	678	1	C306	16	2	2021	CLC	KTMT	15-3-2022
375	PH002	PH002.M21.MMCL.1	Nhập môn mạch số	80350	Ngô Hiếu Trường	23	1	1	HT1	3	12345	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KTMT	15-3-2022
376	PH002	PH002.M21.MMCL.2	Nhập môn mạch số	80350	Ngô Hiếu Trường	22	1	1	HT1	3	12345	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KTMT	15-3-2022
377	PH002	PH002.M22	Nhập môn mạch số	80384	Phạm Thanh Hùng	70	3	0	LT	5	123	1	B3.14	16	2	2021	CQUI	KTMT	17-3-2022
378	PH002	PH002.M22.1	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	35	1	1	HT1	5	67890	2	B5.02	16	2	2021	CQUI	KTMT	17-3-2022
379	PH002	PH002.M22.2	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	35	1	1	HT1	5	67890	2	B5.02	16	2	2021	CQUI	KTMT	17-3-2022
380	PH002	PH002.M22.ATCL	Nhập môn mạch số	80349	Trương Văn Cương	46	3	0	LT	7	123	1	C212	16	2	2021	CLC	KTMT	19-3-2022
381	PH002	PH002.M22.ATCL.1	Nhập môn mạch số	80349	Trương Văn Cương	23	1	1	HT1	7	67890	2	B4.08	16	2	2021	CLC	KTMT	19-3-2022
382	PH002	PH002.M22.ATCL.2	Nhập môn mạch số	80349	Trương Văn Cương	23	1	1	HT1	7	67890	2	B4.08	16	2	2021	CLC	KTMT	19-3-2022
383	PH002	PH002.M22.MMCL	Nhập môn mạch số	80123	Trần Quang Nguyên	45	3	0	LT	4	123	1	C307	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
384	PH002	PH002.M22.MMCL.1	Nhập môn mạch số	80350	Ngô Hiếu Trường	23	1	1	HT1	4	67890	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
385	PH002	PH002.M22.MMCL.2	Nhập môn mạch số	80350	Ngô Hiếu Trường	22	1	1	HT1	4	67890	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KTMT	16-3-2022
386	PH002	PH002.M23.MMCL	Nhập môn mạch số	80491	Nguyễn Hoài Nhân	45	3	0	LT	5	678	1	C305	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
387	PH002	PH002.M23.MMCL.1	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	23	1	1	HT1	5	12345	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
388	PH002	PH002.M23.MMCL.2	Nhập môn mạch số	80499	Thân Thế Tùng	22	1	1	HT1	5	12345	2	B4.02	16	2	2021	CLC	KTMT	17-3-2022
389	SE005	SE005.M21.PMCL	Giới thiệu ngành Kỹ thuật Phần mềm	80210	Nguyễn Thị Thanh Trúc	40	1	0	LT	6	123	1	C210	16	2	2021	CLC	CNPM	18-3-2022
390	SPCH2713	SPCH2713.M21.CTTT	Kỹ năng giao tiếp			40	2	0	LT	3	123	1	E41	16	2	2021	CTTT	HTTT	15-3-2022
391	SPCH2713	SPCH2713.M22.CTTT	Kỹ năng giao tiếp			40	2	0	LT	5	678	1	E41	16	2	2021	CTTT	HTTT	17-3-2022
392	SPCH3723	SPCH3723.M21.CTTT	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT			40	3	0	LT	6	678	1	E24	16	2	2021	CTTT	HTTT	18-3-2022
393	SPCH3723	SPCH3723.M21.CTTT	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT			40	3	0	LT	4	123	1	E33	16	2	2021	CTTT	HTTT	16-3-2022
394	SPCH3723	SPCH3723.M21.CTTT	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT			40	3	0	LT	2	678	1	E33	16	2	2021	CTTT	HTTT	14-3-2022
395	SPCH3723	SPCH3723.M22.CTTT	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT			40	3	0	LT	2	123	1	E33	16	2	2021	CTTT	HTTT	14-3-2022
396	SPCH3723	SPCH3723.M22.CTTT	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT			40	3	0	LT	6	123	1	E33	16	2	2021	CTTT	HTTT	18-3-2022
397	SPCH3723	SPCH3723.M22.CTTT	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT			40	3	0	LT	4	678	1	E34	16	2	2021	CTTT	HTTT	16-3-2022
398	SS004	SS004.M21.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80052	Nguyễn Đình Hiển	40	2	0	LT	4	45	1	C218	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	16-3-2022
399	SS004	SS004.M210.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80201	Nguyễn Văn Toàn	40	2	0	LT	5	90	1	C309	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	17-3-2022
400	SS004	SS004.M22.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80209	Lê Thanh Trọng	40	2	0	LT	3	45	1	C306	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	15-3-2022
401	SS004	SS004.M23.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80050	Trịnh Thị Mỹ Hiền	40	2	0	LT	3	90	1	C306	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	15-3-2022
402	SS004	SS004.M24.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80052	Nguyễn Đình Hiển	40	2	0	LT	2	45	1	C212	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	14-3-2022
403	SS004	SS004.M25.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80052	Nguyễn Đình Hiển	40	2	0	LT	4	90	1	C218	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	16-3-2022
404	SS004	SS004.M26.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80052	Nguyễn Đình Hiển	40	2	0	LT	2	90	1	C212	16	2	2021	CLC	P.ĐTDH	14-3-2022

405	SS004	SS004.M27.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80050	Trịnh Thị Mỹ Hiền	40	2	0	LT	6	90	1	C210	16	2	2021	CLC	P.ĐTĐH	18-3-2022
406	SS004	SS004.M28.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	11011	Phạm Văn Anh	40	2	0	LT	6	45	1	C210	16	2	2021	CLC	P.ĐTĐH	18-3-2022
407	SS004	SS004.M29.CLC	Kỹ năng nghề nghiệp	80210	Nguyễn Thị Thanh Trúc	40	2	0	LT	5	45	1	C309	16	2	2021	CLC	P.ĐTĐH	17-3-2022